

# **VAI TRÒ CỦA NGƯỜI GIÁO DÂN TRONG GIÁO HỘI**

<b>VAI TRÒ CỦA NGƯỜI GIÁO DÂN TRONG GIÁO HỘI</b> .....	1
<b>A. GIÁO HỘI HỌC QUA DÒNG LỊCH SỬ</b> .....	2
I. Các Giáo phụ: Giáo hội như máu nhiệm và sự hiệp thông .....	2
II. Thời Trung cổ: Giáo hội là một xã hội .....	5
III. Những Giáo hội học song hành.....	6
1/ Phong trào Cải cách .....	6
2/ Công đồng Trentô (1545-1563) .....	7
IV. Hướng tới Vaticano II.....	8
V. Giáo hội học của Đức Thánh Cha Phanxicô .....	10
1/ Giáo hội như một bệnh viện dã chiến .....	12
2/ Giáo hội, ngôi nhà chào đón mọi người .....	13
3/ Giáo hội nghèo cho người nghèo .....	14
<b>B. VAI TRÒ CỦA NGƯỜI GIÁO DÂN TRONG GIÁO HỘI</b> .....	15
Vai trò của người Giáo dân trong Giáo hội .....	15
Bản tính và sứ mạng giáo dân (số 31).....	16
Địa vị giáo dân trong lòng Dân Thiên Chúa (số 32).....	17
Tông đồ giáo dân (số 33).....	19
Nhiệm vụ tư tế và phụng tự (số 34).....	21
Nhiệm vụ ngôn sứ và chứng nhân (số 35) .....	22
Địa vị vương giả.....	24
<b>C. GIA ĐÌNH: GIÁO HỘI TẠI GIA – NHỮNG ĐIỂM NHẤN CỦA TÔNG HUẤN NIỀM VUI YÊU THƯƠNG</b> .....	27

## A. GIÁO HỘI HỌC QUA DÒNG LỊCH SỬ

### I. Các Giáo phụ: Giáo hội như mầu nhiệm và sự hiệp thông

Giáo hội được khám phá và được hiểu như là một *mầu nhiệm*, nghĩa là diễn tả lịch sử cứu độ mà Kinh thánh đã nói đến. Giáo hội bao trùm tất cả kế hoạch cứu độ của Thiên Chúa, vì thế Giáo hội đã hiện hữu từ hồi tạo dựng, từ lúc khởi nguyên lịch sử nhân loại. Từ viễn cảnh đó, các giáo phụ tìm cách xác định vai trò và nhiệm vụ của Giáo hội trong nhiệm cục cứu độ, và vạch ra những khía cạnh huyền nhiệm của Giáo hội.

Nhờ thường xuyên nghiền ngẫm Kinh thánh trong bối cảnh của việc cử hành phụng vụ, các giáo phụ khám phá ý nghĩa tiên trưng (*typologia*) và biểu tượng (*symbolica*) của Giáo hội: tất cả những đặc điểm của dân Israel và những lời hứa trong Cựu ước nay đã được thể hiện trong Giáo hội của Tân ước. Vì thế các giáo phụ đã trình bày bản chất Giáo hội qua nhiều hình ảnh và ý niệm của Kinh thánh: Dân Thiên Chúa (Giáo hội là Israel mới), Tàu ông Noe (cống hiến ơn cứu độ cho mọi người), Thân Thể Đức Kitô, Mẹ và Trinh nữ, Hiền thê của Đức Kitô, hiệp thông các thánh, mặt trăng (Giáo hội soi sáng nhân loại nhờ ánh sáng phản chiếu từ Chúa Kitô), Tấm áo dài không bị chia, ...

Khởi đi từ suy tư của các Giáo Phụ, Hiến Chế Tín Lý về Giáo hội trình bày cho chúng ta rất nhiều hình ảnh đẹp và phong phú về Giáo hội.

Trước hết, *Giáo hội là chuồng chiên mà Chúa Kitô là cửa vào duy nhất và cần thiết* (x. Gio 10,1-10). Giáo Hội cũng là đàn chiên mà chính Thiên Chúa đã tiên báo Ngài là mục tử (x. Is 40,11; Ez 34,11 tt). Tuy được các mục tử phạm nhân chặn dắt, những chiên ấy luôn được chính Chúa Kitô, Mục Tử nhân lành và Thủ Lãnh các mục tử, dẫn dắt và nuôi dưỡng (x. Gio 10,11; 1P 5,4). Người đã hiến mạng sống mình vì đàn chiên (x. Gio 10,11-15).

Giáo Hội cũng là *thừa ruộng hay cánh đồng Thiên Chúa* (x. 1Cor 3,9). Trong cánh đồng ấy, mọc lên cây dầu cổ thụ mà các Tổ Phụ là gốc rễ thánh. Nơi cây cổ thụ này, sự hòa giải giữa dân Israel và các dân ngoại đã được và sẽ được thực hiện (x. Rm 11,13-26). Người trồng nho thiên quốc vun trồng Giáo Hội như một cây nho được tuyển chọn (x. Mt 21,33-43 song song; x. Is 5,1 tt). Chúa Kitô là cây nho đích thực. Người ban sức sống và hoa trái cho các nhánh là chúng ta. Nhờ Giáo Hội, chúng ta ở trong Người; và không có Người, chúng ta không thể làm gì được (x. Gio 15,1-5).

Giáo Hội cũng thường *được gọi là tòa nhà của Thiên Chúa* (x. 1Cor 3,9). Chúa Kitô đã tự ví Người như viên đá mà các thợ xây loại bỏ, nhưng đã trở thành viên đá góc (x. Mt 21,42 song song; CvTđ 4,11; 1P 2,7; Tv 117,22). Trên nền móng này, các Tông Đồ đã xây dựng Giáo Hội (x. 1Cor 3,11), và

Giáo Hội được bền vững, liên kết nhờ nền móng đó. Tòa nhà này còn được gọi bằng nhiều tên khác: Nhà Thiên Chúa (x. 1Tm 3,15), nơi gia đình Ngài cư ngụ. Nhà Thiên Chúa trong Chúa Thánh Thần (x. Eph 2,19-22), "Lều Tạm của Thiên Chúa giữa loài người" (Kh 21,3), và nhất là Đền Thánh, tiêu biểu bằng các cung thánh bằng đá, đã từng được các Thánh Giáo Phụ ca tụng, và được Phụng Vụ sánh ví rất chính xác với Thành thánh, thành Giêrusalem mới[10]. Thực vậy, trong Giáo Hội tại thế, chúng ta là những viên đá sống động dùng vào việc xây cất (x. 1P 2,5). Thánh Gioan đã chiêm ngưỡng Thành thánh ấy từ trời nơi Thiên Chúa mà xuống trong ngày cải tạo vũ trụ, "sẵn sàng như hiền thê trang điểm để đón tân lang mình" (Kh 21,1tt).

Giáo Hội còn được gọi là "thành Giêrusalem trên trời" là "mẹ chúng ta" (Gal 4,26; x. Kh 12,17), được mô tả như hiền thê tinh tuyền của Con Chiên không tì ố (x. Kh 19,7; 21,2 và 9; 22,17) được Chúa Kitô yêu mến "và hiến thân để thánh hóa" (Eph 5,25-26), được Người kết hợp bằng một giao ước bất khả phân ly, được "nuôi dưỡng và săn sóc" không ngừng (Eph 5,29).

Các giáo phụ là chứng nhân của việc mở rộng lãnh thổ của Kitô giáo và cùng với đó là việc thành lập nhiều Giáo hội mới. Các Giáo hội duy trì sự hợp nhất nhờ mối dây hiệp thông (communio). Các giáo phụ đã duy trì được sự quân bình giữa hai viễn cảnh: một đảng, giáo hội lữ hành cư ngụ tại một địa phương vượt lên sự cô lập để liên kết với các giáo đoàn khác của "Giáo hội công giáo" ở khắp nơi; đảng khác, khi nhìn vào

điều kiện của tất cả các tín hữu được quy tụ trong Đức Kitô, người ta xác tín rằng chỉ có thể có một Giáo hội ở trên trần gian này.

## II. Thời Trung cổ: Giáo hội là một xã hội

Từ khi các Kitô hữu được Đế quốc Rôma nhìn nhận quyền tự do tín ngưỡng, nhiều yếu tố mới đã được du nhập và làm thay đổi bộ mặt của Giáo hội. Với con số các tín hữu gia tăng trong xã hội, dân Thiên Chúa dần dần được đồng hóa với **xã hội Kitô giáo**. Giáo hội được quan niệm như một xã hội (societas), mà trung tâm liên kết là cơ cấu phẩm trật. Tuy chưa thể nói rằng Giáo hội đã biến thành một xã hội phẩm trật theo mô hình kim tự tháp, nhưng càng ngày Giáo hội càng được đồng hóa với xã hội. Trước đây, Giáo hội cảm thấy mình tách biệt với thế giới (được đồng hóa với Đế quốc Rôma đang bách hại Kitô giáo). Bây giờ, nhờ nỗ lực truyền giáo cũng như nhờ sự hỗ trợ của chính quyền, con số những người gia nhập giáo hội gia tăng đến nỗi xã hội trở thành Kitô giáo: Giáo hội hòa nhập vào xã hội, và được đặt tên là Christianitas, với sự trà trộn giữa đạo và đời. Trong đế quốc Rôma-Đức, hoàng đế giữ một vai trò giống như một nhân viên của Giáo hội. Sự đối kháng ban đầu giữa Giáo hội và thế giới bây giờ chuyển sang ba chiều hướng khác:

- a) sự đối kháng giữa Giáo hội với các tôn giáo ngoài Kitô giáo;
- b) sự tách biệt giữa giáo sĩ và giáo dân;
- c) sự xung khắc giữa quyền đạo của Giáo hoàng với quyền đời của Hoàng đế.

### III. Những Giáo hội học song hành

Khuynh hướng cá nhân và chủ quan trở thành mạnh mẽ hơn nữa dưới thời Phục hưng. Sự suy giảm các mối dây liên kết trong Giáo hội đã chớm nở trước đây, nay trở thành đậm nét hơn do những trào lưu chống định chế và chống Rôma; những trào lưu này được nuôi dưỡng bởi những lạm dụng và gương xấu, bởi những sa sút của các giáo hoàng, bởi thao thức muốn cải cách Giáo hội từ đầu đến chân. Đó là mảnh đất phì nhiêu để cho phong trào Cải cách đưa ra một GHH song hành.

#### 1/ Phong trào Cải cách

Lúc đầu, ông Lutêrô không chủ ý khai trương một Giáo hội mới. Thế nhưng lập luận của ông cũng như nhiều hoàn cảnh lịch sử đã đưa đến một Giáo hội học mang đậm ảnh hưởng của cảm nghiệm tâm linh bản thân. Nếu đức tin ban ơn công chính là một tác động trực tiếp của Thiên Chúa trên con người thì chiều kích cộng đồng của đời sống tín hữu trở thành thứ yếu. Biến cố đức tin của cá nhân thì quan trọng hơn biến cố quy tụ giáo hội. Giáo hội chân thật thì vô hình, bởi vì duy chỉ Thiên Chúa mới biết được những ai làm nên cộng đồng các kẻ được công chính hóa. Cộng đoàn các thánh (*communio sanctorum*) thì hiện hữu cách vô hình trước mặt thế gian và chỉ hiển hiện trước mặt Chúa. Là một “thụ tạo của lời Chúa” (*creatura verbi divini*), Giáo hội chân thật thì trái nghịch với

tất cả mọi thể chế cứu độ tự nhận rằng mình có những phương tiện cứu rỗi, hoặc tin tưởng vào các việc thực hành bên ngoài và coi nhẹ sức mạnh của đức tin hay của Lời Chúa nói từ bên trong. Giáo hội chân thật cần phải được giải thoát khỏi cảnh “lưu đày Babylon” mà Giáo hội Rôma đã rơi vào: giải thoát khỏi giáo hoàng, bởi vì ngoài sự sa đoạ luân lý ông lại còn dám ngạo mạn dùng luật lệ để thay thế quyền năng của Lời Chúa và đức tin; giải thoát khỏi cơ cấu quyền bính bởi vì họ đã quên rằng Chúa Kitô mới thực sự là vị lãnh đạo; giải thoát khỏi sự đối lập giữa giáo sĩ và giáo dân bởi vì đã bỏ quên chức tư tế phổ quát và tầm quan trọng của đức tin. Dĩ nhiên Giáo hội vô hình được diễn tả qua những dấu hiệu, tựa như việc cử hành bữa tiệc ly và việc rao giảng Tin mừng, nhưng cái hữu hình ấy mang tính hàm hồ bởi vì Lời Chúa giữ vị trí tối thượng (đang khi giáo hội Rôma huỷ bỏ sự tối thượng của Lời Chúa bằng đạo lý *ex opere operato*).

## 2/ Công đồng Trentô (1545-1563)

Công đồng Trentô đã bênh vực sự góp phần của con người vào tiến trình trở nên công chính, do đó cũng nhìn nhận giá trị trung gian của Giáo hội, đặt trong viễn ảnh của kế hoạch nhập thể. Công đồng cũng đề ra một kế hoạch cải cách đời sống Giáo hội ngõ hầu Giáo hội thực hiện vai trò của mình cách hữu hiệu hơn và có uy tín hơn. Đồng thời, công đồng cũng củng cố quyền bính phẩm trật và vị trí của tòa Rôma (giáo hội học kim tự tháp).

Kể từ công đồng Trento về sau, Giáo hội học của công giáo mang tính cách “chống Cải cách”. Tuy không bỏ qua khía cạnh nội tâm của Giáo hội, nhưng GHH vào thời này cố gắng chống lại quan điểm thần học của phái Cải cách, bằng cách nêu bật khía cạnh phẩm trật và hữu hình của Giáo hội. Tiêu biểu của khuynh hướng này là định nghĩa Giáo hội của hồng y Robertô Bellarminô trong tác phẩm *De controversiis christianae fidei adversus nostri temporis haereticos*: “Giáo hội là cộng đồng những người được kết hợp với nhau bởi việc tuyên xưng cùng một đức tin và bởi việc tham gia vào cùng các bí tích dưới sự điều khiển của các mục tử hợp pháp và nhất là của Đức Giáo Hoàng, vị đại diện duy nhất của Chúa Kitô trên trần gian. Giáo hội là một đoàn thể hữu hình và rõ ràng giống như đoàn thể của dân Rôma hoặc như vương quốc Pháp hoặc cộng hoà Venezia”.

#### IV. Hướng tới Vaticano II

Giáo hội học Vaticano II nỗ lực để hòa giải giữa hai yếu tố hữu hình và vô hình của Giáo hội, không quá nhấn mạnh yếu tố này cũng như không quá xem nhẹ yếu tố kia. Để đạt sự quân bình này, việc suy tư GHH cần phải thoát khỏi các viễn ảnh cổ truyền và đặt lại vấn đề:

- Cần thoát khỏi phạm trù “xã hội” (muốn đặt Giáo hội ngang hàng với các xã hội chính trị), ngõ hầu đi vào toàn bộ kế hoạch cứu độ, nơi mà Giáo hội tìm thấy vai trò của mình đối với thế giới và đối với nhân loại.



- Cần thoát khỏi cái nhìn cơ cấu phẩm trật, ngõ hầu khám phá Giáo hội như sự hiệp thông giữa các tín hữu, trong đó Chúa Thánh Thần ban cho những ân huệ, đặc sủng, tác vụ khác nhau.

## Công đồng Vaticanô II

Việc loại bỏ quan điểm cũ đã dọn đường cho một GHH canh tân, với những đặc tính sau:

a) Giáo hội được giới thiệu như một mầu nhiệm, bén rễ trong kế hoạch cứu độ của Chúa Ba Ngôi (vượt qua phạm trù xã hội). Thực vậy, Hiến chế trình bày Giáo hội là Bí tích trong Đức Kitô, và vì Giáo Hội ở trong Chúa Kitô như bí tích hoặc dấu chỉ và khí cụ của sự kết hợp mật thiết với Thiên Chúa và của sự hiệp nhất toàn thể nhân loại, nên, dựa trên giáo huấn của các Công Đồng trước, Giáo Hội muốn làm sáng tỏ bản tính và sứ mệnh phổ quát của mình cho tín hữu và toàn thế giới (LG, số 1). Hơn nữa, vì “Chúa Kitô, Đấng Trung Gian duy nhất, đã thiết lập Giáo Hội thánh thiện, một cộng đoàn đức tin, cậy và mến, như một toàn bộ cấu trúc hữu hình trên trần gian mà Người không ngừng bảo vệ. Qua Giáo Hội, Người đổ tràn chân lý và ân sủng cho mọi người. *Giáo Hội là xã hội có tổ chức qui củ*, và Nhiệm Thể Chúa Kitô, đoàn thể hữu hình và cộng đoàn thiêng liêng, Giáo Hội tại thế và Giáo Hội dư tràn của cải trên trời không được quan niệm như hai thực thể *nhưng chỉ là một thực thể phức tạp, duy nhất, do yếu*

*tổ nhân loại và thần linh kết thành.* Vì thế, nhờ loại suy xác thực, chúng ta có thể ví Giáo Hội với mẫu nhiệm Ngôi Lời nhập thể. Thực vậy, nhân tính mà Ngôi Lời mặc lấy phục vụ Người như cơ quan cứu rỗi sống động và kết hợp với Người cách bất khả phân ly; cũng thế, toàn thể cơ cấu xã hội của Giáo Hội phục vụ Thánh Thần Chúa Kitô, Đấng làm cho Giáo Hội sống động để tăng triển thân thể (x. Eph 4,16)” (LG, số 8).

b) Phạm trù Dân Thiên Chúa lấy từ Kinh thánh cho phép khẳng định sự bình đẳng căn bản giữa tất cả các tín hữu và nhắc nhở ơn gọi nên thánh (như vậy vượt qua viễn ảnh phẩm trật và pháp lý).

c) Nhìn nhận vai trò của các giáo hội địa phương và tập đoàn giám mục (bổ túc quan điểm kim tự tháp về Giáo hội).

d) Nhìn nhận tầm quan trọng của lịch sử và cánh chung, nêu bật tính cách lữ hành của Giáo hội (như vậy loại trừ cái nhìn tự mãn và khép hoàn về HT).

e) Nhìn nhận và đối thoại với tất cả những thực thể sống bên lề Giáo hội: các giáo hội ngoài công giáo, tôn giáo, các người vô thần, các thực tại trần thế (giúp Giáo hội có thái độ khiêm tốn hơn).

## V. Giáo hội học của Đức Thánh Cha Phanxicô

Tại sao lại là Phanxicô?

Vào ngày 16 tháng 03 năm 2013, trong buổi yết kiến dành cho Giới truyền thông Vatican, Đức Thánh Cha Phanxicô đã ứng khẩu giải thích cho giới truyền thông lý do tại sao ngài chọn tên hiệu là Phanxicô. Ngài nói:

“Một số người không biết tại sao GM Roma đã muốn được gọi là Phanxicô. Một số người nghĩ đến Phanxicô Xavie, Phanxicô đệ Salê, và Phanxicô Assisi. Tôi kể cho các bạn lịch sử. Trong cuộc bầu phiếu, ở bên cạnh tôi có Đức TGM hồi hưu của giáo phận São Paulo, và nguyên là Tổng trưởng Bộ giáo sĩ, đó là ĐHY Claudio Hummes (OFM): một người bạn rất thân! Khi sự việc trở nên nguy hiểm hơn, ĐHY khích lệ tôi. Và khi số phiếu lên đến 2 phần 3, thì cộng đoàn vỗ tay như thói quen vì đã bầu được Giáo Hoàng. ĐHY Hummes ôm lấy tôi và nói: *“Bạn đừng quên người nghèo nhé!”*. Và lời ấy đã đi vào tâm trí tôi: người nghèo, người nghèo!. Rồi ngay lúc ấy cùng với người nghèo tôi đã nghĩ đến thánh Phanxicô Assisi. Rồi tôi cũng nghĩ đến các cuộc chiến tranh, trong khi cuộc khai phiếu tiếp tục, cho đến tất cả các phiếu. *Thánh Phanxicô là người hòa bình*. Và thế là tên Phanxicô đi vào tâm hồn tôi: Phanxicô Assisi. Người khó nghèo, người hòa bình, người yêu mến và *bảo tồn thiên nhiên*, trong lúc này chúng ta đang có một quan hệ không tốt lắm đối với Đấng Tạo Hóa. Đó là vị mang lại cho chúng ta tinh thần hòa bình, con người thanh bản. A, tôi mong ước một Giáo Hội *thanh bản và cho người nghèo đường nào!*

Sau đó một vài hồng y đã nói đùa với tôi: “Lẽ ra bạn phải được gọi là Adriano, vì ĐGH Adriano VI là một nhà cải cách, cần phải cải tổ...”. Một vị khác nói: “Không, không, tên của bạn phải là Clemente”. Nhưng tại sao? “Clemente XV: như thế bạn trả đũa được ĐGH Clemente XIV là người đã giải tán dòng Tên!”. Đó là những câu nói đùa thôi...”

## 1/ Giáo hội như một bệnh viện dã chiến

Đức Thánh Cha Phanxico muốn Giáo hội của ngài phải dám bước ra ngoài để gặp gỡ con người. “Trong việc “bước ra”, điều quan trọng là *phải sẵn sàng để gặp gỡ*... chúng ta phải tạo ra “*một nền văn hoá gặp gỡ*”. Gặp gỡ người nghèo. Nếu chúng ta ra khỏi mình, chúng ta thấy sự nghèo đói.”

“Tôi thích một Giáo Hội bầm tím, bị thương và dơ dáy vì ở ngoài đường phố, hơn là một Giáo Hội không khỏe mạnh vì bị giam hãm và chỉ bám lấy sự an toàn của riêng mình”.

Đức Giáo Hoàng nói tiếp: “Tôi thấy rõ: điều Giáo hội ngày nay cần hơn cả là khả năng chữa lành các vết thương và sưởi ấm tâm hồn các tín hữu. Giáo hội cần sự gần gũi, cận kề. Tôi nhìn Giáo hội như một bệnh viện dã chiến sau một trận đánh. Thật vô bổ khi hỏi người bị thương nặng xem họ có lượng mỡ cao hay không hay độ đường trong máu là bao nhiêu! Phải chữa ngay vết thương của họ đã, rồi mới nói tới những chuyện khác. Chữa lành các vết thương, chữa lành các vết thương... và bạn phải khởi từ dưới lên.”

“Điều đầu tiên phải cải cách là thái độ. Các thừa tác viên của Tin mừng phải là người có thể sưởi ấm trái tim con người, bước đi với

họ trong đêm tối, biết đối thoại và để mình đi vào đêm tối của họ, vào bóng đêm, nhưng không bị lạc lối.”

Có lẽ Giáo Hội tỏ ra quá yếu ớt, quá xa cách đối với các nhu cầu của họ, quá nghèo nàn trong đáp ứng đối với các quan tâm của họ, quá lạnh lùng, quá lẩn quẩn với chính mình, quá giam mình vào chính các công thức cứng nhắc của mình, có lẽ thế giới tỏ ra muốn biến Giáo Hội thành tàn dư của quá khứ, không thích đáng đối với vấn nạn nói nữa; có lẽ Giáo Hội chỉ còn có thể nói với người ở tuổi ấu thơ, chứ không nói được với những người đã lớn khôn.

## 2/ Giáo hội, ngôi nhà chào đón mọi người

“Trong Giáo Hội của Chúa Giêsu, chúng ta là những viên đá sống động, và Chúa Giêsu yêu cầu chúng ta xây dựng Giáo Hội của Ngài; không phải như một nhà nguyện nhỏ chỉ chứa được một nhóm nhỏ. Nhưng Ngài yêu cầu chúng ta làm sao để Giáo Hội sinh động thật rộng lớn để có thể đón nhận toàn thể nhân loại, trở thành nhà của tất cả mọi người!”

“Trong lịch sử đã có những người bị cám dỗ nói rằng: Giáo Hội chỉ là Giáo Hội của những người tinh tuyền, những người hoàn toàn sống phù hợp với niềm tin, còn những người khác cần phải bị gạt bỏ. Thực vậy, đây là một sự rối đạo. Giáo Hội là thánh thiện, nhưng không từ khước những người tội lỗi; Giáo Hội không từ khước tất cả chúng ta, vì Giáo Hội kêu gọi tất cả; Giáo Hội đón nhận người tội lỗi, Giáo Hội cũng mở rộng đối với những người xa xôi nhất, kêu gọi tất cả hãy để cho mình được lòng từ bi, sự dịu hiền và tha thứ của Chúa Cha áp ủ, Chúa trao tặng mọi người cơ hội được gặp gỡ Ngài, tiến bước về sự thánh thiện” (Yết kiến chung, 2 tháng 10 năm 2013).

### 3/ Giáo hội nghèo cho người nghèo

Đối với Giáo hội, việc chọn thương yêu người nghèo chủ yếu là một phạm trù mang tính thần học hơn là một phạm trù mang tính chất văn hóa, xã hội học, chính trị hay triết học. Thiên Chúa tỏ lộ cho người nghèo “lòng thương xót đầu tiên của Ngài”. Sự ưu tiên này của Thiên Chúa dẫn đến những hệ quả trong đời sống đức tin của mọi Kitô hữu, tất cả chúng ta được mời gọi để “có những tâm tình như chính Đức Kitô Giêsu” (Pl 2,5). Được gọi hứng bởi tinh thần này, Giáo hội chọn lựa *ưu tiên cho người nghèo*, được hiểu như một “hình thức ưu tiên đặc biệt trong việc thực thi đức ái Kitô giáo, mà toàn thể truyền thống của Hội Thánh làm chứng”. Đức Bênêđictô XVI dạy rằng sự chọn lựa này “ẩn tàng trong đức tin Kitô giáo chúng ta vào Thiên Chúa, Đấng trở nên nghèo khó vì chúng ta, để làm cho chúng ta được giàu có nhờ sự nghèo khó của Ngài”. Đó là lý do tại sao tôi muốn có một Giáo hội nghèo và cho người nghèo. Người nghèo có thể dạy chúng ta nhiều điều. Ngoài việc chia sẻ cùng một cảm thức đức tin (*sensus fidei*), họ còn biết Đức Kitô chịu đau khổ qua những đau khổ của họ. Qua họ, chúng ta cần phải để cho mình được Phúc Âm hóa. Tân Phúc Âm hóa là một lời mời gọi để nhận ra sức mạnh cứu độ trong cuộc sống của người nghèo và đặt họ ở trung tâm của con đường lữ hành của Giáo hội. Chúng ta được mời gọi để tìm thấy Đức Kitô trong họ, để cho người nghèo mượn tiếng nói của mình mà nói lên những lý lẽ của họ. Chúng ta cũng được mời gọi để trở thành những người bạn của người nghèo, lắng nghe họ, hiểu họ và đón nhận sự khôn ngoan nhiệm mầu mà Thiên Chúa muốn thông truyền cho chúng ta qua họ. (Tông Huấn *Evangelii Gaudium*, số 186 – 188, 198, 24 tháng 11 năm 2013).

## B. VAI TRÒ CỦA NGƯỜI GIÁO DÂN TRONG GIÁO HỘI

### Vai trò của người Giáo dân trong Giáo hội

Như đã được đề cập ở trên, phạm trù Dân Thiên Chúa lấy từ Kinh thánh cho phép khẳng định sự bình đẳng căn bản giữa tất cả các tín hữu và nhắc nhở ơn gọi nên thánh. Sự bình đẳng giữa các tín hữu được đặt nền tảng trên Phép rửa. Mỗi tín hữu khi được lãnh Bí tích rửa tội đều được đón nhận một phẩm giá mới là trở nên con cái Thiên Chúa và tham dự vào chức tu tế cộng đồng như được diễn tả một cách rõ ràng trong số 10 của Hiến Chế.

“Chúa Kitô, Linh Mục Thượng Phẩm được chọn nơi loài người (x. Dth 5,1-5), để biến dân tộc mới thành một "vương quốc, thành những tư tế cho Thiên Chúa, Cha Người" (Kh 1,6; x. 5,9-10). Thực vậy, những người đã lãnh phép Thánh Tẩy, nhờ được tái sinh và xúc dầu của Thánh Thần, được cung hiến để trở thành chỗ ở thiêng liêng và nhận chức tu tế thánh, hầu qua mọi hoạt động của con người Kitô hữu, dâng của lễ thiêng liêng và rao truyền những kỳ công của Đấng đã gọi họ từ bóng tối đến ánh sáng kỳ diệu của Ngài (x. 1P 2,4-10). Vì thế, tất cả các môn đệ của Chúa Kitô, trong khi kiên tâm cầu nguyện và cùng nhau ca tụng Thiên Chúa (x. CvTđ 2,42-47), họ phải dâng mình làm của lễ sống động, thánh thiện, đẹp lòng Thiên Chúa (x. Rm 12,1), phải làm chứng về Chúa Kitô trên khắp mặt đất và trình bày niềm hy vọng về cuộc sống vĩnh cửu mà họ ôm ấp cho những ai đang khao khát. (x. 1P 3,15).

Chức tư tế cộng đồng của các tín hữu và chức tư tế thừa tác hay phẩm trật, tuy khác nhau không chỉ về cấp bậc mà còn về bản chất, *song cả hai bổ túc cho nhau*. Thực vậy, cả hai đều tham dự vào *chức linh mục duy nhất của Chúa Kitô theo cách thức riêng của mình*. Tư tế thừa tác, nhờ có quyền do chức thánh, đào tạo và cai quản dân tộc tư tế, đóng vai trò Chúa Kitô cử hành hy tế tạ ơn và dâng của lễ ấy lên Thiên Chúa *nhân danh toàn thể dân chúng*. Phần tín hữu, nhờ chức tư tế vương giả, *cộng tác dâng thánh lễ*, và thi hành chức vụ đó trong việc lãnh nhận các bí tích, khi cầu nguyện và tạ ơn, bằng đời sống chứng tá thánh thiện, bằng sự từ bỏ và bác ái tích cực” (LG, số 10).

Bản tính và sứ mạng của Giáo dân được trình bày một cách rõ ràng trong Hiến chế Tín Lý về Giáo hội, ở đây, chúng ta sẽ đi sâu vào tìm hiểu bản tính và sứ mạng của Giáo dân qua các số 30 – 36.

Bản tính và sứ mạng giáo dân (số 31)

Danh hiệu giáo dân ở đây được hiểu là tất cả những Kitô hữu không thuộc hàng giáo sĩ và bậc tu trì được Giáo Hội công nhận; nghĩa là những Kitô hữu đã được tháp nhập vào Thân Thể Chúa Kitô nhờ phép Thánh Tẩy, đã trở nên Dân Thiên Chúa, và tham dự vào chức vụ tư tế, tiên tri và vương giả của Chúa Kitô theo cách thức của họ; họ là những người đang thực hiện sứ mệnh của toàn dân Kitô giáo trong Giáo Hội và trên trần gian theo phận vụ riêng của mình.



**Tính cách trần thế là tính cách riêng biệt và đặc thù của giáo dân.** Thực vậy các phần tử trong hàng giáo sĩ dù đôi khi có thể lo những việc trần thế, hoặc hơn nữa, hành nghề giữa đời, nhưng vì ơn kêu gọi đặc biệt, sứ mệnh chính yếu và rõ rệt của họ vẫn là sứ vụ thánh. Phần các tu sĩ, do bậc sống của họ, làm chứng cách hùng hồn và cao quý rằng người ta không thể cải tạo thế giới và cung hiến nó cho Thiên Chúa được, nếu không có tinh thần các mối phúc thật. Vì ơn gọi riêng, giáo dân có bổn phận tìm kiếm nước Thiên Chúa bằng cách làm các việc trần thế và xếp đặt chúng theo ý Thiên Chúa. Họ sống giữa trần gian, nghĩa là giữa tất cả cũng như từng công việc và bổn phận của trần thế, giữa những cảnh sống thường ngày trong gia đình và ngoài xã hội; tất cả những điều đó như dệt thành cuộc sống của họ. Đó là nơi Thiên Chúa gọi họ, để dưới sự hướng dẫn của tinh thần Phúc Âm, như men từ bên trong, họ thánh hóa thế giới bằng việc thi hành những nhiệm vụ của mình; và như thế, với lòng tin cậy mến sáng ngời, và nhất là với bằng chứng đời sống, họ tỏ lộ Chúa Kitô cho kẻ khác, vì thế, họ có nhiệm vụ đặc biệt soi sáng và xếp đặt những thực tại trần gian có liên hệ mật thiết với họ, để chúng không ngừng phát triển và bành trướng theo Thánh Ý Chúa Kitô, hầu ca tụng Đấng Tạo Hóa và Đấng Cứu Độ[148]\*.

Địa vị giáo dân trong lòng Dân Thiên Chúa (số 32)

Giáo Hội do Chúa thiết lập được tổ chức và điều khiển theo nhiều thể thức khác biệt rất lạ lùng. "Vì như trong một thân

thể, chúng ta có nhiều chi thể, nhưng mọi chi thể không có cùng một nhiệm vụ; cũng vậy, chúng ta tuy nhiều người song là một thân thể trong Chúa Kitô, nên mỗi người chúng ta là chi thể lẫn nhau" (Rm 12,4-5).

Thế nên chỉ có một Dân Thiên Chúa được Ngài tuyển chọn: "chỉ có một Thiên Chúa, một đức tin, một Thánh Tẩy" (Eph 4,5), cùng chung một phẩm giá của những chi thể vì đã được tái sinh trong Chúa Kitô, cùng một ân huệ được làm con cái, một ơn gọi trở nên trọn lành, một ơn cứu độ và một niềm hy vọng duy nhất và một đức ái không phân chia. Vì thế, trong Chúa Kitô và trong Giáo Hội, không còn có sự hơn kém vì nguồn gốc hay dân tộc, vì địa vị xã hội hoặc vì nam nữ, bởi lẽ "không còn là người Do Thái hoặc Hy Lạp, nô lệ hay tự do, nam hay nữ, vì anh em hết thảy đều là một trong Chúa Giêsu Kitô" (Gal 3,38, bản Hy Lạp; x. Col 3,11).

Vì thế, tuy trong Giáo Hội, tất cả không cùng đi một đường, **nhưng tất cả vẫn cùng được mời gọi nên thánh**, và đồng thừa hưởng đức tin trong sự công chính của Thiên Chúa (x. 2P 1,1). Mặc dù theo ý Chúa Kitô, có những người được chọn làm tiến sĩ, làm người phân phát các nhiệm tích hay chủ chăn lo cho kẻ khác, nhưng giữa tất cả mọi người vẫn có sự **bình đẳng thực sự, bình đẳng về phương diện phẩm giá** và hoạt động chung của mọi tín hữu để xây dựng thân thể Chúa Kitô. Thực vậy, nếu Chúa phân biệt những thừa tác viên có chức thánh với các thành phần khác của Dân Thiên Chúa thì sự phân chia này vẫn hàm chứa một sự hiệp nhất, vì chủ chăn và các tín hữu khác liên kết với nhau do những mối dây liên hệ

chung. Các chủ chăn trong Giáo Hội noi gương Chúa phải **phục vụ lẫn nhau và phục vụ các tín hữu khác**; phân các tín hữu phải sẵn lòng hợp tác với các chủ chăn và những người giảng dạy. Như thế, tuy khác biệt nhau, nhưng tất cả đều làm chứng sự duy nhất kỳ diệu trong Thân Thể Chúa Kitô. Thực vậy, chính sự khác biệt về ân huệ, chức vụ và hoạt động lại là mối dây kết hợp con cái Thiên Chúa làm một, vì "mọi sự ấy là công trình của cùng một Thánh Thần duy nhất" (1Cor 12,11).

Vì thế, nhờ lòng ưu ái của Thiên Chúa, giáo dân được làm em Chúa Kitô, Đấng đã đến không phải để được phục vụ, nhưng để phục vụ, dù Người là Chúa tể muôn loài (x. Mt 20,28). Cũng vậy, họ làm em những người đã lãnh nhận chức vụ thánh, những kẻ đang lấy quyền Chúa Kitô mà giảng dạy, thánh hóa và cai quản để chặn dắt gia đình Chúa, hầu mọi người chu toàn giới luật mới là luật bác ái. Thánh Augustinô đã dùng những lời tuyệt diệu này để nói lên điều đó: "Làm Giám Mục cho anh em, tôi rất sợ; là tín hữu với anh em, tôi rất an tâm. Giám Mục là một chức vụ, tín hữu là một ân phúc. Giám Mục là một danh hiệu nguy hiểm, tín hữu là danh hiệu đem ơn cứu độ"[149].

Tông đồ giáo dân (số 33)

Giáo hữu được qui tụ trong Dân Thiên Chúa và cấu tạo thành Thân Thể duy nhất của Chúa Kitô dưới quyền của một Đầu duy nhất; dù họ là ai, họ vẫn được kêu gọi dùng hết sức lực đã lãnh nhận do lòng từ ái của Đấng Tạo Hóa và do ân huệ Đấng

Cứu Thế để như những chi thể sống động, phát triển và thánh hóa Giáo Hội không ngừng.

Vì thế, giáo dân làm tông đồ là **thông phần vào chính sứ mệnh cứu độ của Giáo Hội**; nhờ lãnh nhận phép Thánh Tẩy và Thêm Sức, mỗi tín hữu đều được Chúa đề cử làm tông đồ; dâng khác các bí tích, nhất là bí tích Thánh Thể, thông ban và nuôi dưỡng trong họ đức ái đối với Thiên Chúa và đối với loài người, nhân đức này là linh hồn của mọi hoạt động tông đồ. *Nhưng giáo dân được đặc biệt kêu mời làm cho Giáo Hội hiện diện và hoạt động nơi và trong những hoàn cảnh mà nếu không có họ, thì Giáo Hội sẽ không trở thành muối của thế gian*[150]. Như thế, vì những ân huệ đã lãnh nhận, mọi giáo dân vừa là chứng nhân vừa là dụng cụ sống động cho chính sứ mệnh Giáo Hội, "tùy theo độ lượng ân sủng Chúa Kitô ban cho" (Eph 4,7).

Ngoài việc tông đồ này, một việc có liên quan đến mọi Kitô hữu không trừ ai, giáo dân có thể còn được mời gọi góp phần trực tiếp hơn và bằng nhiều cách vào công cuộc tông đồ của hàng giáo phẩm[151], giống như những tín hữu nam nữ đã chịu vất vả vì Chúa Kitô để giúp đỡ Tông đồ Phaolô rao giảng Phúc Âm (x. Ph 4,3; Rm 16,3tt). Đàng khác, họ có những khả năng mà Hàng Giáo Phẩm có thể dùng vào một số phận vụ thuộc hàng giáo sĩ có mục đích thiêng liêng.

Bởi vậy, nhiệm vụ cao cả của mọi giáo dân là làm cho ý định cứu độ của Thiên Chúa ngày càng lan tới tất cả mọi người ở mọi nơi và mọi thời đại. Vì thế, khắp nơi phải mở đường cho

họ tích cực tham gia vào công cuộc cứu độ của Giáo Hội, tùy sức lực họ và tùy nhu cầu của thời đại. [152]\*

### Nhiệm vụ tư tế và phụng tự (số 34)

Chúa Giêsu Kitô, Linh Mục thượng phẩm và vĩnh cửu, vì cũng muốn giáo dân tiếp tục công việc chứng tá và việc phục vụ của mình, nên đã nhờ Thánh Thần ban cho họ sự sống, và không ngừng thôi thúc họ thực hành những điều thiện hảo.

Thực vậy, những kẻ mà Người đã cho tham dự mật thiết vào sự sống và sứ mệnh Người, Người cũng cho họ dự phần vào chức vụ tư tế, để họ thực hành việc phụng thờ thiêng liêng hầu tôn vinh Thiên Chúa và cứu rỗi loài người. Bởi thế, vì giáo dân đã được hiến dâng cho Chúa Kitô và được Thánh Thần xúc dầu, nên họ được mời gọi và được ban ơn cách lạ lùng để Thánh Thần sinh hoa trái nơi họ ngày càng phong phú hơn. Thực vậy, mọi *hoạt động, kinh nguyện và công cuộc tông đồ, đời sống hôn nhân và gia đình, công ăn việc làm thường ngày, việc nghỉ ngơi thể xác và tinh thần, nếu họ chu toàn trong Thánh Thần*, và cả đến những thử thách của cuộc sống, *nếu họ kiên trì đón nhận, thì tất cả đều trở nên của lễ thiêng liêng đẹp lòng Thiên Chúa, nhờ Chúa Giêsu Kitô* (x. 1P 2,5), vì những của lễ ấy được thành kính dâng lên Chúa Cha cùng với Mình Thánh Chúa khi cử hành lễ tạ ơn. Như thế, giáo dân cung hiến thế giới này cho Thiên Chúa nhờ biết phụng thờ Ngài bằng hành động thánh thiện khắp nơi.[154]\*

Sự tham dự tích cực của người Giáo dân vào phụng vụ được thể hiện một cách rõ ràng trong Hiến Chế về Phụng vụ thánh, như chúng ta đọc thấy trong số 48 và 49 như sau:

**48, *Giáo dân tham dự thánh lễ cách tích cực.*** Vì thế, Giáo Hội hằng bận tâm lo cho các Kitô hữu tham dự vào mầu nhiệm đức tin ấy, không như những khách bàng quan, câm lặng, nhưng là những người thấu đáo mầu nhiệm đó nhờ các nghi lễ và kinh nguyện: họ tham dự hoạt động thánh một cách ý thức, thành kính và linh động; họ được đào tạo bởi lời Chúa; được bổ sức nơi bàn tiệc Mình Chúa; họ tạ ơn Chúa; và trong khi dâng lễ vật tinh tuyền, không chỉ nhờ tay linh mục mà còn liên kết với ngài, họ *tập dâng chính mình*; và ngày qua ngày, nhờ Chúa Kitô Trung Gian<sup>3</sup>, họ được tiêu hao trong tình kết liên với Thiên Chúa và với nhau, để cuối cùng Thiên Chúa trở nên mọi sự trong mọi người.

**49. *Thánh lễ có giáo dân tham dự.*** Vì vậy, để Hy Lễ, ngay cả nghi thức bên ngoài, thu đạt được một hiệu năng mục vụ trọn vẹn, Thánh Công Đồng quyết định những điều sau đây, về những Thánh Lễ cử hành có dân chúng tham dự, nhất là những ngày Chúa Nhật và các ngày lễ buộc.

Nhiệm vụ ngôn sứ và chứng nhân (số 35)

Chúa Kitô, vị Tiên Tri cao cả, Đấng đã dùng chứng tá đời sống và sức mạnh của lời nói để công bố Nước Chúa Cha; Người chu toàn chức vụ tiên tri, cho đến lúc sự vinh hiển của Người tỏ ra trọn vẹn; Người chu toàn chức vụ đó không những nhờ hàng giáo phẩm, là những người nhân danh và lấy quyền Người mà giảng dạy nhưng cũng nhờ các giáo dân; sở dĩ Người đã đặt họ làm chứng nhân, đồng thời ban cho họ cảm

thức đức tin và ơn dùng ngôn từ nữa (x. CvTđ 2,17-18; Kh 19,10) là để sức mạnh Phúc Âm sáng ngời trong đời sống thường ngày, trong gia đình và ngoài xã hội. Nếu giáo dân *vững lòng tin cậy* mà lợi dụng thời gian hiện tại (x. Eph 5,16; Col 4,5) và *kiên trì trông đợi* vinh quang một ngày kia sẽ đến (x. Rm 8,25), họ sẽ tỏ ra là con cái của lời giao ước; nhưng niềm hy vọng đó, họ không nên giấu kín trong lòng, trái lại họ phải *diễn tả nó qua những cơ cấu của cuộc sống trần gian*, bằng cách hoán cải không ngừng và chiến đấu chống lại "bá chủ của thế gian tăm tối này và bọn tà thần" (Eph 6,12).

Như những bí tích của luật mới, là của ăn nuôi dưỡng đời sống và hoạt động tông đồ của tín hữu, tiên báo trời mới và đất mới thế nào (x. Kh 21,1), thì giáo dân cũng mạnh mẽ loan báo lòng tin vào điều mình trông đợi như thế (x. Dth 11,1), *nếu họ không ngần ngại nói kết đời sống đức tin với việc tuyên xưng đức tin làm một*. Công cuộc rao giảng Phúc Âm đó, nghĩa là sự loan báo Chúa Kitô bằng đời sống, *chứng tá và lời nói*, mang một sắc thái và hiệu quả đặc biệt vì được thể hiện trong những *hoàn cảnh chung của trần gian*. (Lấy ví dụ về thời đầu của Giáo hội).

Có một bậc sống rất giá trị để thể hiện nhiệm vụ đó, bậc sống được một bí tích đặc biệt thánh hóa, đó là *đời sống hôn nhân và gia đình*. Gia đình là môi trường hoạt động và trường học tuyệt diệu cho việc tông đồ giáo dân. Từ gia đình, Kitô giáo thấm nhập vào tất cả các tổ chức cuộc sống và dần dần biến đổi các tổ chức ấy; nơi gia đình, vợ chồng tìm thấy ơn gọi

riêng của mình là *làm chứng cho nhau và cho con cái lòng tin và tình yêu Chúa Kitô*. Gia đình Kitô giáo lớn tiếng loan truyền sức mạnh của nước Thiên Chúa và niềm cậy trông vào một đời sống hạnh phúc. Như thế bằng gương lành và chứng tá, gia đình Kitô giáo làm cho thế gian nhận biết tội lỗi mình, đồng thời sáng soi những kẻ đang kiếm tìm chân lý.

Vì thế, giáo dân có thể và phải có một hoạt động cao quý là truyền bá Phúc Âm cho thế giới, cả lúc họ bận tâm lo lắng những việc trần thế. Dù khi thiếu thừa tác viên có chức thánh hoặc khi các ngài bị ngăn trở vì bách hại, có những giáo dân thay thế các ngài thi hành một vài phận vụ thánh tùy khả năng của họ; dù có một số giáo dân đã dốc toàn lực vào việc tông đồ, tất cả vẫn phải cộng tác vào việc mở mang và phát triển Nước Chúa Kitô trên trần gian. Vì vậy giáo dân phải khéo léo tìm hiểu sâu xa hơn chân lý Chúa mạc khải, và tha thiết nài xin Thiên Chúa ban ơn khôn ngoan cho mình[155].

Địa vị vương giả.

Chúa Kitô đã vâng lời cho đến chết, và vì thế Người được Chúa Cha tôn vinh (x. Ph 2,8-9), và đã vào trong vinh quang nước Người. Mọi vật đều suy phục Người, cho đến khi Người cùng với mọi tạo vật suy phục Chúa Cha, để Thiên Chúa nên tất cả mọi sự (x. 1Cor 15,27-28). Người cũng thông ban cho các môn đệ quyền bính đó để họ được hưởng sự tự do vương giả, và chiến thắng ách thống trị của tội lỗi nơi họ, bằng một đời sống từ bỏ và thánh thiện (x. Rm 6,12), hơn nữa để, khi



phụng sự Chúa Kitô nơi tha nhân, họ khiêm nhường và kiên nhẫn dẫn đưa anh em mình đến cùng Đức Vua, Đấng mà phụng sự Người là thống trị. Thực thế, Chúa cũng muốn nhờ cả giáo dân để mở rộng nước Người, nước của chân lý và sự sống, của ân sủng và thánh thiện, của công lý, tình yêu và hòa bình[156]; trong nước này, chính tạo vật cũng được hưởng tự do rạng ngời của con cái Thiên Chúa (x. Rm 8,21). Lời Chúa hứa thật trọng đại và lệnh Người truyền cho các môn đệ thật lớn lao: "Thực vậy, tất cả mọi sự đều thuộc về anh em, còn anh em thuộc về Chúa Kitô và Chúa Kitô thuộc về Thiên Chúa" (1Cor 3,23).

Vì thế, tín hữu phải nhận biết bản tính sâu xa của tạo vật, giá trị của chúng, và cùng đích của chúng là ca tụng Thiên Chúa; đồng thời phải giúp nhau sống đời thánh thiện, nhờ những việc trần thế, để thế gian thấm nhuần tinh thần Chúa Kitô và đạt đến cùng đích một cách hữu hiệu hơn trong công lý, bác ái và hòa bình. Giáo dân giữ lấy vai trò chính yếu trong khi chu toàn nhiệm vụ phổ quát đó. Nhờ khả năng chuyên môn trong những việc trần thế, nhờ các hoạt động của họ, những hoạt động được ân sủng Chúa Kitô nâng lên bậc siêu nhiên, giáo dân hãy đem toàn lực hợp tác để nhờ lao công con người, kỹ thuật và văn hóa nhân loại khai thác những của cải được tạo dựng hầu mưu ích cho mọi người và phân chia cân xứng hơn giữa họ theo ý định của Đấng Tạo Hóa và sự soi sáng của Ngôi Lời Ngài; và tùy cách thức riêng của chúng, chúng giúp phát triển toàn diện sự tự do của con người và sự tự do của Kitô hữu. Như thế, nhờ các phần tử của Giáo Hội, Chúa Kitô sẽ đem ánh sáng cứu độ của Người chiếu soi toàn thể nhân loại mỗi ngày một hơn.

Đàng khác, khi các thể chế và cảnh sống của thế giới gây nên dịp tội, giáo dân phải góp sức làm cho các thể chế và cảnh sống đó trở nên lành mạnh, để chúng phù hợp với các tiêu chuẩn của đức công bình, và giúp phát huy việc luyện tập các nhân đức hơn là ngăn trở chúng. Hành động như thế, giáo dân sẽ làm cho những giá trị luân lý thấm nhập vào văn hóa và các công trình của loài người. Và nhờ vậy, cánh đồng thế giới mới được chuẩn bị kỹ càng hơn để đón nhận hạt giống Lời Thiên Chúa, và nhiều cửa được mở rộng thêm hơn cho Giáo Hội để sứ điệp hòa bình thấm nhập vào thế gian.

Chính công cuộc cứu độ đòi hỏi tín hữu phải lưu tâm phân biệt đâu là quyền lợi và nghĩa vụ của họ với tư cách một phần tử của Giáo Hội, đâu là quyền lợi và nghĩa vụ với tư cách một phần tử trong xã hội loài người. Họ phải cố gắng hòa hợp cả hai loại nghĩa vụ và bổn phận đó với nhau, và hãy nhớ rằng trong mọi lãnh vực trần thế, lương tâm Kitô giáo phải luôn hướng dẫn họ, vì không một hoạt động nào của con người, dù thuộc phạm vi trần thế, có thể vượt khỏi quyền thống trị của Thiên Chúa. Vì thế, trong thời đại chúng ta, hơn bao giờ hết, người tín hữu cũng phải làm sáng tỏ sự phân biệt và hòa hợp các nghĩa vụ và bổn phận này trong phương thức hành động của họ, để sứ mệnh của Giáo Hội có thể đáp ứng những hoàn cảnh đặc biệt của thế giới ngày nay cách trọn vẹn hơn. Thực vậy, nếu phải công nhận rằng xã hội trần gian, vì lo lắng việc trần thế cách hợp pháp nên có quyền điều hành theo những qui tắc riêng biệt, thì cũng phải loại bỏ cách chính đáng tà thuyết chủ trương xây dựng xã hội bất cần đạo lý, và chủ

trương chống lại hay hủy diệt tự do tín ngưỡng của người công dân[157].

## C. GIA ĐÌNH: GIÁO HỘI TẠI GIA – NHỮNG ĐIỂM NHẤN CỦA TÔNG HUẤN NIỀM VUI YÊU THƯƠNG

Tông Huấn hậu Thượng HĐGM mang tựa đề "Amoris laetitia" (Niềm vui Yêu thương") được Đức Thánh Cha Phanxico ký vào ngày 19-3, lễ trọng kính Thánh Giuse, một ngày không phải là tình cờ. Văn kiện này đúc kết thành quả của hai Thượng HĐGM về gia đình do ĐTC Phanxicô triệu tập trong năm 2014 và 2015, những bản tường trình đúc kết của hai công nghị này được trích dẫn nhiều, cùng với các văn kiện và giáo huấn của các vị Giáo Hoàng tiền nhiệm, và nhiều bài giáo lý của chính ĐGH Phanxicô về gia đình.

Tông huấn gây ấn tượng vì chiều dài và sự phân chia, gồm 9 chương với 325 đoạn. Văn kiện mở đầu với 7 đoạn dẫn nhập nêu bật sự ý thức về đề tài phức tạp, đòi phải đào sâu. Văn kiện khẳng định rằng những phát biểu của các nghị phụ tại Thượng HĐGM là một khối quý giá (AL 4) cần được bảo tồn. Theo chiều hướng đó, ĐGH viết "Không phải tất cả những tranh luận đạo lý, luân lý hoặc mục vụ đều phải được giải quyết với sự can thiệp của huấn quyền". Vì thế đối với một số vấn đề, "tại mỗi nước hoặc miền có thể tìm kiếm những giải

pháp hợp với văn hóa hơn, chú ý đến những truyền thống và những thách đố địa phương. Thực vậy, ”các nền văn hóa rất khác nhau và mỗi nguyên tắc chung (...) cần được hội nhập vào văn hóa địa phương, nếu muốn được tuân giữ và áp dụng” (AL 3). Nguyên tắc hội nhập văn hóa này thực là quan trọng cả trong cách thức đặt và hiểu các vấn đề, vượt lên trên những vấn đề tín lý đã được Huấn Quyền của Giáo Hội định tín, đến độ không thể ”hoàn cầu hóa chúng”.

Trong bài trình bày hôm nay, chúng ta chỉ đi sâu vào tìm hiểu chương 4 của Tông huấn nói về tình yêu trong hôn nhân. Chương IV bàn về tình yêu trong hôn nhân và trình bày nó từ bài ca tình yêu của thánh Phaolô trong thư thứ I gửi tín hữu Corinto, đoạn 13, 4-7. Chương này là một bài chú giải sâu xa, chính xác, được gọi hứng và có đặc tính thơ phú về đoạn thư của thánh Phaolô. Sau đây là những đoạn trích được rút ra từ chương 4.

### **Lòng yêu thương thì kiên nhẫn**

“Nếu không vun đắp tính kiên nhẫn, ta sẽ luôn tìm kẻ bào chữa cho việc phản ứng đầy giận dữ. Kết cục ta sẽ mất hết khả năng sống với nhau, phản xã hội, không kiểm soát được các bốc đồng của ta, và gia đình ta sẽ trở thành bãi chiến trận.”

### **Lòng yêu thương không ghen tương**

“Trong khi lòng yêu thương làm chúng ta vươn cao quá chúng ta, thì lòng ghen tị khoá kín chúng ta vào trong chính mình. Lòng yêu

thương đích thực biết đánh giá cao các thành tựu của người khác. Nó không coi họ như một đe dọa. Nó giải thoát ta khỏi vị chua chát của lòng ghen tị. Nó thừa nhận rằng mọi người đều có những ơn phúc khác nhau và con đường đi riêng ở trong đời.”

### **Lòng yêu thương không vênh vang**

“Đối với các Kitô hữu, điều quan trọng là biểu lộ lòng yêu thương của họ qua cách cư xử với các thành viên trong gia đình ít hiểu biết đức tin, yếu ớt hay kém chắc chắn trong các xác tín của họ. Có khi, điều ngược lại đã diễn ra: các người có đức tin được coi là chín chắn hơn trong gia đình đã trở thành những người cao ngạo không ai chịu thấu. Đàng khác, lòng yêu thương có đặc điểm khiêm nhường; nếu ta muốn hiểu biết, tha thứ và phục vụ người khác với tấm lòng, thì ta phải chữa trị tính kiêu ngạo của ta để lòng khiêm nhường lớn mạnh.”

### **Lòng yêu thương không khiếm nhã**

“Cái nhìn nhân hậu giúp ta nhìn xa hơn các giới hạn của chúng ta, biết kiên nhẫn và hợp tác với người khác, bất chấp các dị biệt của ta. Lòng nhân hậu yêu thương xây dựng các dây nối kết, vun sỏi các mối liên hệ, tạo nên các mạng lưới hội nhập mới và đan dệt được một cơ cấu xã hội bền vững.”

### **Lòng yêu thương thì quảng đại**

“Đối với đức ái, ước muốn yêu thương thích đáng hơn ước muốn được yêu thương”; thực vậy, “các bà mẹ, những người yêu thương nhiều nhất, tìm cách yêu thương hơn được yêu thương”.

### **Lòng yêu thương không nóng giận hay nuôi hận thù**

“Lời khuyên của tôi là đừng để một ngày qua đi mà không làm hòa trong gia đình. “Và làm thế nào để làm hòa đây? Quý gói xuống chãng? Không! Chỉ cần một cử chỉ nhỏ thôi, một việc nhỏ mọn thôi, cũng đủ để hòa khí gia đình được tái lập. Chỉ một âu yếm đơn sơ, không cần phải nói năng chi. Nhưng đừng để một ngày qua đi mà không làm hòa trong gia đình bạn”.

### **Lòng yêu thương thì tha thứ**

“Chính ta có kinh nghiệm được Thiên Chúa tha thứ, được ơn thánh của Người công chính hóa chứ không phải do công phúc của riêng ta. Ta cảm nghiệm được một lòng yêu thương đi trước bất cứ cố gắng nào của ta, một lòng yêu thương không ngừng mở cửa, cổ vũ và khích lệ. Nếu biết nhận rằng lòng yêu thương của Thiên Chúa là vô điều kiện và ta không thể mua hay bán được lòng yêu thương của Chúa Cha, thì ta sẽ có khả năng biểu lộ được một tình yêu không bờ bến và tha thứ cho người khác ngay cả khi họ đã gây hại đến ta.” (108)

### **Lòng yêu thương hân hoan với người khác**

“Gia đình phải luôn là nơi mà, khi một điều tốt lành xảy ra cho một thành viên, người ta biết rằng các người khác cũng đều có mặt ở đó để mừng vui với họ.” (110)

### **Lòng yêu thương tha thứ mọi sự**

“Các cặp vợ chồng được lòng yêu thương kết hợp phải nói tốt cho nhau; họ phải cố gắng trình bày phía tốt của người phối ngẫu, chứ không phải điếm yếu và lỗi lầm của họ. Dù gì, họ cũng phải giữ im lặng hơn là nói xấu người phối ngẫu. Đây không phải chỉ là cách hành động trước mặt người khác; nó phát sinh từ một thái độ nội tâm. Không hề ngậy thơ cho rằng mình không trông thấy các vấn

đề và điểm yếu của người kia, ta chỉ nhìn các điểm yếu và lỗi lầm này trong một bối cảnh rộng lớn hơn mà thôi.” (113)

### **Lòng yêu thương tin tưởng mọi sự**

“Niềm tin tưởng này giúp mỗi liên hệ được tự do. Điều này có nghĩa: ta không cần kiểm soát người kia, theo dõi từng bước đi của họ kéo họ thoát khỏi tay ta. Lòng yêu thương tin tưởng, nó giải thoát, nó không cố gắng kiểm soát, chiếm hữu và khống chế mọi sự. Sự tự do này, một sự tự do vốn cổ vũ độc lập, cổ vũ việc cởi mở đối với thế giới chung quanh và đối với các trải nghiệm mới mẻ, chỉ có thể phong phú hóa và mở rộng mỗi liên hệ”. (115)

### **Lòng yêu thương hy vọng mọi sự**

“Thiên Chúa vẫn có thể biến những con đường khúc khuỷu thành thẳng băng và từ những điều xấu ta chịu ở trong đời, Người vẫn có thể rút ra điều tốt.”

### **Lòng yêu thương chịu đựng mọi sự**

“Lòng yêu thương không nhường bước cho hận thù, cho khinh miệt người khác hay ước muốn gây thương tích hoặc chiếm ưu thế. Lý tưởng Kitô Giáo, đặc biệt trong gia đình, là một tình yêu không bao giờ bỏ cuộc.” (119)

### **Lớn lên trong lòng yêu thương vợ chồng**

“Hôn nhân là một dấu chỉ quý giá, vì “khi một người đàn ông và một người đàn bà cử hành bí tích hôn nhân, Thiên Chúa như thể ‘được soi gương’ trong họ; Người in nơi họ các đặc điểm của Người và ẩn tích tình yêu không thể xóa bỏ của Người. Hôn nhân là hình ảnh của tình yêu Thiên Chúa dành cho chúng ta.” (121)

## **Chia sẻ suốt đời**

“Con cái không những muốn cha mẹ chúng yêu thương nhau, mà còn trung thành và ở với nhau mãi mãi.”

## **Đối thoại**

“Hãy dành thì giờ, thì giờ có giá trị. Nghĩa là sẵn sàng để lắng nghe một cách kiên nhẫn mọi điều người khác muốn nói.”

“Hãy tỏ tình âu yếm và quan tâm với người kia. Lòng yêu thương vượt thắng cả những rào cản mạnh nhất. Khi yêu thương ai, hay khi cảm thấy được ai yêu thương, ta có thể hiểu rõ hơn điều họ muốn thông đạt.” (140)